TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 01 - 2021
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Thị Đổi;
Ông Nguyễn Chí Lin.
- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1306/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thanh Th, sinh năm 1973.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973.
Cùng địa chỉ: Ấp H2, xã H, huyện Đ, tỉnh L.
(Bà Th và ông T đều xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, bà Hồ Thanh Th trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu bà và ông T chung sống có hạnh phúc nhưng từ tháng 11 năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp hay cải vã nên bà và ông T đã ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông T có hai con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992 và Nguyễn Duy L, sinh năm 2002 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Khi ly

hôn về các con chung đã trưởng thành, tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T là bị đơn trình bày: Ông xác định về thời gian, quá trình chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung như lời bà Th trình bày là đúng. Thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà Th không còn hạnh phúc nữa, do cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, ông và bà Th đã ly thân nhau từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay mà không hàn gắn tình cảm vợ chồng lại được nên ông đồng ý ly hôn với bà Hồ Thanh Th. Khi ly hôn về các con chung Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992 và Nguyễn Duy L, sinh năm 2002 (đã trưởng thành), tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, các bên đã thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ án nhưng do bà Th và ông T chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn nên Tòa án không ghi nhận được sự thỏa thuận và tự nguyện ly hôn của các đương sự mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Bà Hồ Thanh Th xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T là thuộc quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

1.2. Ông Nguyễn Văn T là bị đơn có địa chỉ thường trú tại ấp H2, xã H, huyện Đ, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Bà Hồ Thanh Th và ông Nguyễn Văn T có đề nghị xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Th và ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

2.1. Bà Hồ Thanh Th và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của bà Th và ông T là không hợp pháp đã vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Bà Hồ Thanh Th cho rằng bà và ông T chung sống có hạnh phúc nhưng từ tháng 11 năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp hay cải vã nên bà và ông T đã ly thân nhau từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay.

Đối với ông Nguyễn Văn T có lời trình bày xác định cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà Th không còn hạnh phúc nữa, do cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, ông và bà Th đã ly thân nhau từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay mà

không hàn gắn tình cảm vợ chồng lại được nên ông đồng ý ly hôn với bà Hồ Thanh Th.

Tuy nhiên, do bà Th và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 cho đến nay mà không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không công nhận bà Hồ Thanh Th và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Bà Th và ông T xác định có hai con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992 và Nguyễn Duy L, sinh năm 2002 (đã trưởng thành) nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

Về tài sản chung: Bà Th và ông T thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thanh Th phải chịu án phí ly hôn sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thanh Th đối với ông Nguyễn Văn T về việc "Xin ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hồ Thanh Th và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Th và ông T xác định có hai con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992 và Nguyễn Duy L, sinh năm 2002 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí: Buộc bà Hồ Thanh Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sung vào ngân sách Nhà nước. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006936

ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành, như vậy bà Th không phải nộp tiếp.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã H
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Tài